

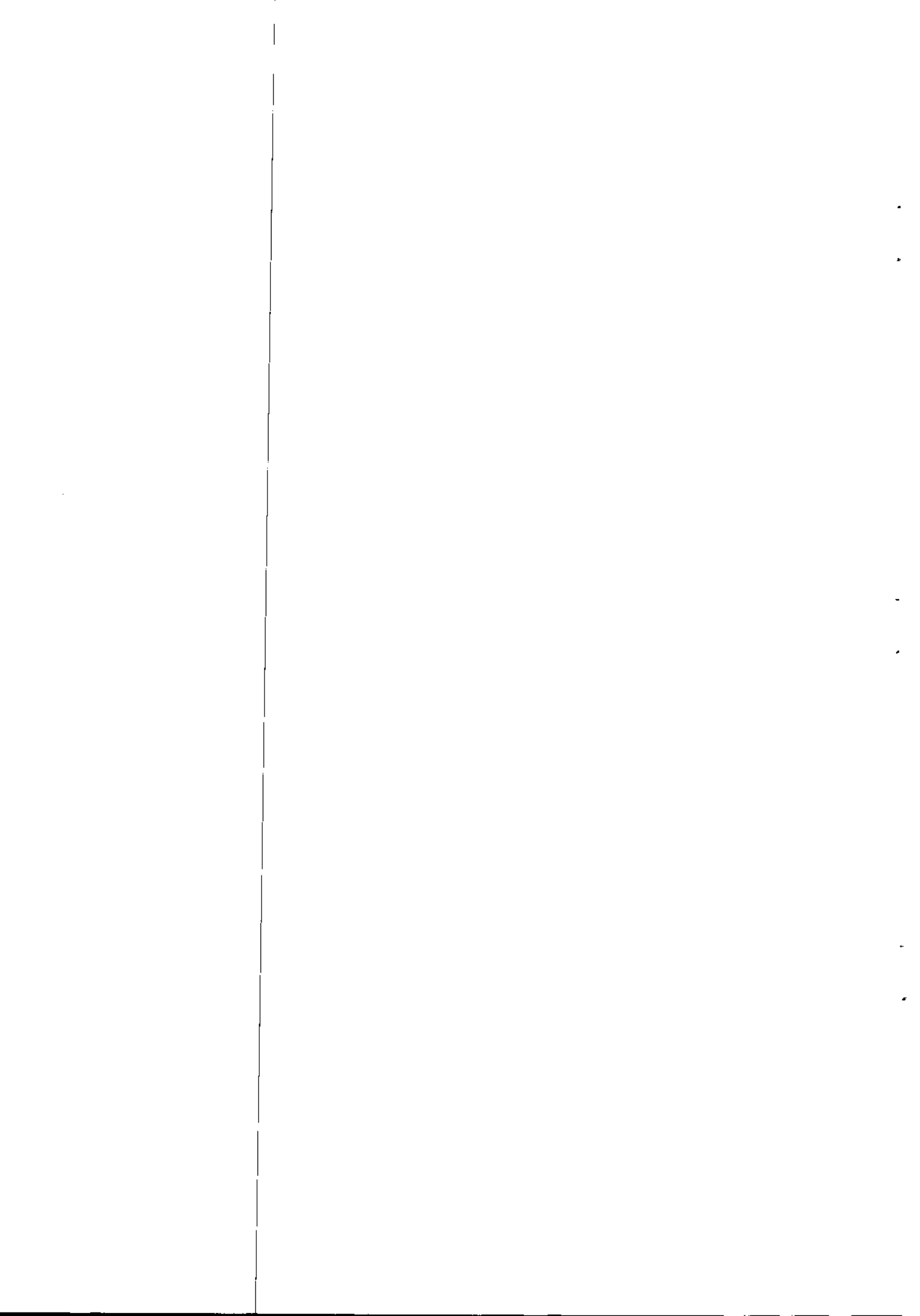
**AASC**

**BẢN BÁO**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASC)**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
**TRỰC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM**

*Báo cáo Tài chính*  
*cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013*  
*đã được kiểm toán*



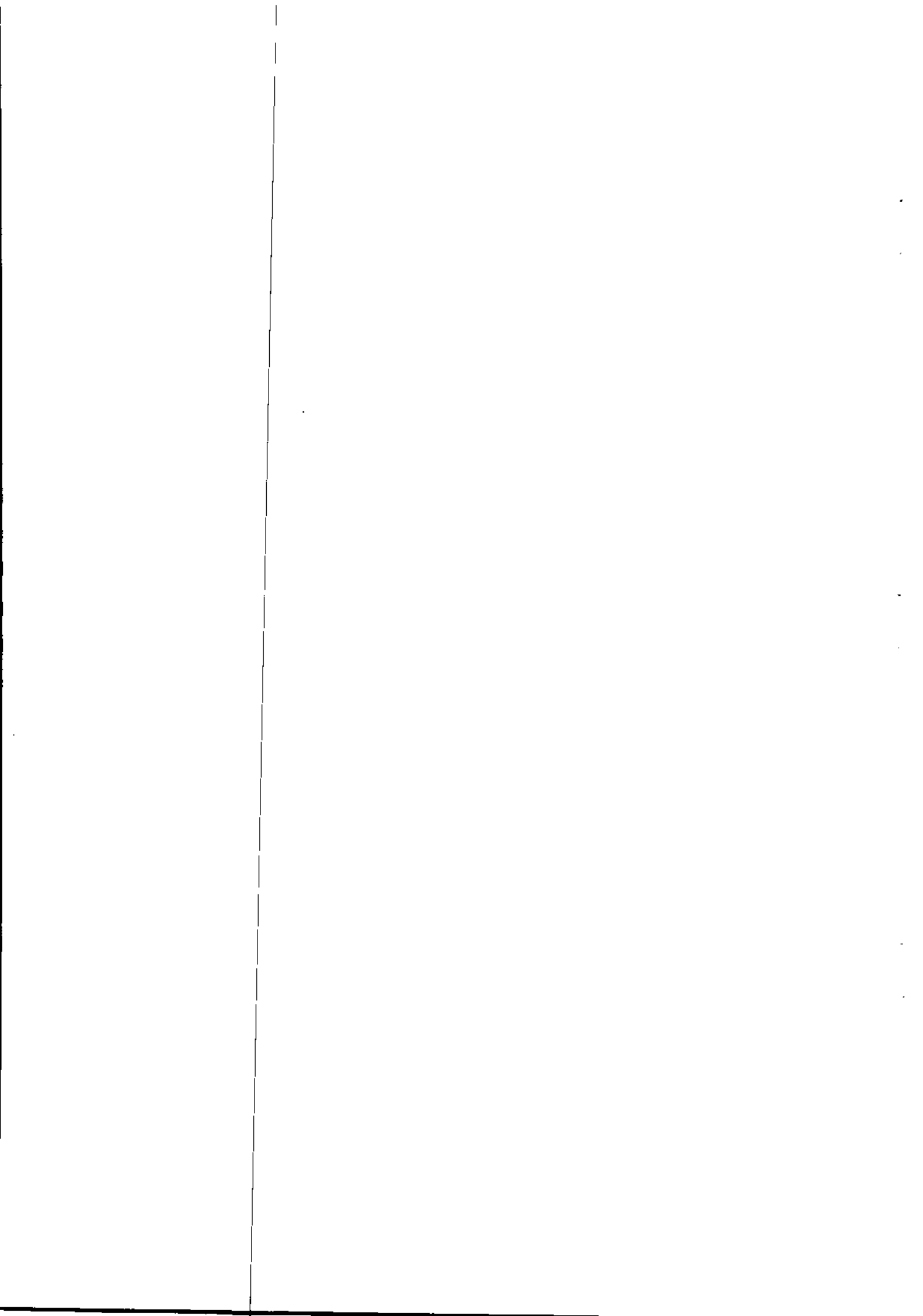
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỰC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM**

Địa chỉ: 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 25

0172  
CÔNG TY  
KHÉP P  
VỤ T  
NH KẾ  
KIỂM T  
IA HAI  
P. L. S



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **CÔNG TY**

Công ty TNHH Một Thành Viên Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam là Công ty Nhà Nước thuộc Tổng công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300430099, đăng ký lần đầu ngày 08/03/2011 tại Phòng Đăng Ký Kinh Doanh - Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM.

- Tiền thân trước đây của Công ty có tên gọi là Công ty Trục vớt thành lập ngày 30/6/1976, sau đổi tên thành Xí Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ được thành lập theo Quyết định số 448/QĐ/TCCB -LĐ ngày 20 tháng 03 năm 1993 và Quyết định số 575/QĐ/TCCB-LĐ ngày 03 tháng 04 năm 1993 của Bộ Giao Thông Vận Tải.

- Quyết định số 721/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Giao Vận Tải, Xí Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ đổi tên thành Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam.

- Quyết định số 1771/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Quyết định 2399/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2011 v/v chuyển doanh nghiệp về làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam có tên giao dịch đối ngoại là: Vietnam Salvage Single Member Limiter Liability Company (viết tắt là VISAL).

Trụ sở chính đặt tại số 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty: 40.768.308.086 đ (Bốn mươi tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm lẻ tám ngàn không trăm tám mươi sáu đồng)

### **Ngành nghề kinh doanh:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300430099 ngày 08 tháng 03 năm 2011 của Phòng Đăng ký kinh doanh -Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Trục vớt Cứu hộ

- Kinh doanh trục vớt tàu, hàng hóa, kỹ thuật ngầm dưới nước;
- Tìm kiếm cứu nạn trên biển;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện thiết bị giao thông vận tải;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ giao thông vận tải;
- Dịch vụ du lịch lặn trong và ngoài nước; Lai dắt tàu và vận tải hàng hóa, hành khách;
- Đại lý và dịch vụ cho các tàu của công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam; đại lý kinh doanh mặt hàng nhiên liệu (xăng, dầu, dầu mỡ, dầu nhớt);
- Xây dựng công trình giao thông và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ thi công của Công ty;
- Xây dựng công trình công nghiệp trong ngành giao thông vận tải. Đào đắp đất đá. San lấp mặt bằng tạo bãi;
- Gia công, chế sửa, lắp ráp các loại kết cấu thép, kết cấu bê tông đúc sẵn. Thu gom, giao nhận hàng hóa và kinh doanh kho bãi container.
- Đồ mới phương tiện thủy và kinh doanh vật liệu xây dựng. Phá đá ngầm và cắt phá xác tàu chìm dưới nước;
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước biển và đường dài. Cứu nạn và cứu hộ trên biển nhằm đảm bảo an toàn cho các khu vực hàng hải và các vùng nước cảng biển;
- Kinh doanh thương mại các ngành hàng: Thiết bị lặn dưới nước, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng, sắt thép v
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê ( Cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày ( Kinh doanh khách sạn không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp, nhà nghỉ không hoạt động tại Tp.HCM

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam bao gồm Văn phòng Công ty và 5 thành viên hạch toán phụ thuộc như sau:

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- Văn phòng Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam
- Chi nhánh I Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam II
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam III
- Xí nghiệp Sửa Chữa Tàu Biển
- Xí nghiệp Cơ Khí Công Trình

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.451.227.164 VND. (Năm 2012 lợi nhuận sau thuế là 2.126.565.513 VND)

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 0 VND. (Năm 2012 lợi nhuận chưa phân phối là 2.126.565.513 VND).

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban giám đốc bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Khả	Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Trang	Kế toán trưởng

(bổ nhiệm ngày 15/11/2012)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

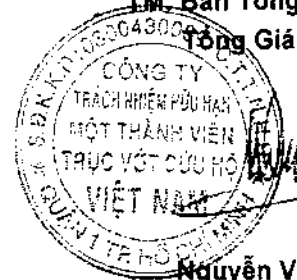
## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

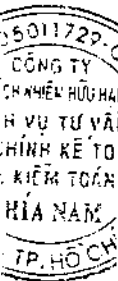
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám Đốc

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Văn Khá



Số 225/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Về báo cáo tài chính năm 2013 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
của Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam****Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam được lập ngày 24 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của một số khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2013.

Tại ngày 31/12/2013 Công ty có khoản chi phí dở dang thực hiện trục vớt cứu hộ tàu Green Viship cho Công ty Cổ phần vận tải biển Vinashin với số dư là: 6.241.301.004 đ. Khoản chi phí dở dang này tương ứng với khoản doanh thu phí trục vớt cứu hộ tàu Greenviship mà Công ty đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Vũng Tàu ngày 09/06/2009 với yêu cầu Công ty Cổ phần vận tải biển Vinashin phải thanh toán số tiền phí trục vớt tàu Green Viship bị nạn tại vùng biển Vũng Tàu mà Công ty đã thực hiện là 10.410.888.865 đ. Tại ngày phát hành Báo cáo kiểm toán này Tòa án Nhân dân tỉnh Vũng Tàu vẫn chưa có kết quả phán quyết cuối cùng về giá trị tranh chấp giữa Công ty và Công ty Cổ phần vận tải biển Vinashin. Bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi cũng không thể ước tính được khoản doanh thu trục vớt cứu hộ tàu Green Viship có thể thực hiện được của Công ty cũng như ảnh hưởng của nó tới chỉ tiêu " Lợi nhuận trước thuế " mã số 50 trong báo cáo kết quả kinh doanh và ảnh hưởng tới khoản mục mã số 421 " Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối " tại ngày 31/12/2013 trên Báo cáo tài chính 2013 của Công ty.



**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Trục vót Cứu hộ Việt Nam tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



**ĐỖ KHẮC THANH**

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

**LÊ VĂN JUẤN**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0479-2013-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>116.499.600.670</b>	<b>74.372.464.108</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		20.359.192.697	6.448.214.103
111	1. Tiền	03	20.359.192.697	6.448.214.103
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.357.316.792	46.361.053.007
131	1. Phải thu khách hàng		60.075.221.586	41.799.548.592
132	2. Trả trước cho người bán		5.129.295.042	3.358.815.689
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	1.514.060.242	5.268.750.088
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(5.361.260.078)	(4.066.061.362)
140	IV. Hàng tồn kho		31.761.316.213	19.424.931.105
141	1. Hàng tồn kho	05	34.558.337.067	19.424.931.105
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.797.020.854)	
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.021.774.968	2.138.265.893
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			26.284.683
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	07	489.040.054	107.184.960
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.532.734.914	2.004.796.250
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>36.564.431.152</b>	<b>45.836.706.679</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

3050112  
 CÔNG  
 TRÁCH NHIỆM  
 TÀI CHÍNH KẾ  
 TOÁN VÀ KIỂM T  
 PHÍA NA  
 TP. HỒ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

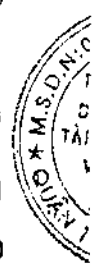
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>22.776.097.083</b>	<b>21.544.655.016</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	15.394.360.530	17.889.251.444
222	- Nguyên giá		77.393.048.071	78.304.644.989
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(61.998.687.541)	(60.415.393.545)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	09	163.659.901	163.659.901
228	- Nguyên giá		163.659.901	163.659.901
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	7.218.076.652	3.491.743.671
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.050.000.000</b>	<b>1.050.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258	3. Đầu tư dài hạn khác	11	1.050.000.000	1.050.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.738.334.069</b>	<b>23.242.051.663</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	12.732.334.069	23.236.051.663
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác		6.000.000	6.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>153.064.031.822</b>	<b>120.209.170.787</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
300	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>110.911.048.616</b>	<b>76.754.628.295</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>108.244.416.616</b>	<b>70.087.988.295</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13		14.123.461.499
312	2. Phải trả người bán		15.623.786.104	19.868.271.273
313	3. Người mua trả tiền trước		10.641.931.976	6.800.808.736
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.975.554.824	2.372.519.882
315	5. Phải trả người lao động		19.370.157.190	7.309.824.298
316	6. Chi phí phải trả	15	22.406.613.154	759.560.235
317	7. Phải trả nội bộ		205.732.734	
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	28.900.044.095	15.974.356.291
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		858.657.408	
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.261.939.131	2.879.186.081
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.666.632.000</b>	<b>6.666.640.000</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	2.666.632.000	6.666.640.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
400	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>42.152.983.206</b>	<b>43.454.542.492</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>42.152.983.206</b>	<b>43.454.542.492</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		29.748.450.493	29.136.100.817
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển			
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.354.994.149	2.142.337.598
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			2.126.565.513
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		10.049.538.564	10.049.538.564
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
432	2. Nguồn kinh phí			
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>153.064.031.822</b>	<b>120.209.170.787</b>



### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại - Dollar Mỹ (USD)		537.528,14	40.232,31
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

  
Lê Thanh Tuyên

Kế toán trưởng

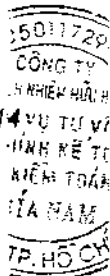
  
Nguyễn Văn Trang

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khá



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	200.132.542.966	123.332.545.975
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		200.132.542.966	123.332.545.975
11	4. Giá vốn hàng bán	20	150.013.845.457	92.150.519.220
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.118.697.509	31.182.026.755
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.692.268.048	174.342.115
22	7. Chi phí tài chính	22	1.939.891.258	4.016.169.295
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.927.122.653	3.783.604.138
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		45.155.676.961	25.742.521.829
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.715.397.338	1.597.677.746
31	11. Thu nhập khác		48.503.848	1.339.527.745
32	12. Chi phí khác		162.264.967	101.784.807
40	13. Lợi nhuận khác		(113.761.119)	1.237.742.938
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.601.636.219	2.835.420.684
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	1.150.409.055	708.855.171
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>3.451.227.164</b>	<b>2.126.565.513</b>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập biên

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
 Lê Thanh Tuyền

  
 Nguyễn Văn Trang



Nguyễn Văn Khá

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		189.309.781.631	126.460.080.296
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(82.372.048.316)	(54.039.499.863)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(47.847.764.238)	(40.248.364.172)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.842.483.284)	(3.966.584.642)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.856.235.337)	
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		40.598.585.928	45.137.563.613
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(54.581.976.949)	(59.443.825.492)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>35.407.859.435</b>	<b>13.899.369.740</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(3.526.548.950)	(13.545.992.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		151.416.444	69.716.303
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(3.375.132.506)</b>	<b>(13.476.275.879)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.721.164	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		17.205.507.498	16.354.140.962
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(35.328.976.997)	(29.566.004.983)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(18.121.748.335)</b>	<b>(13.211.864.021)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>13.910.978.594</b>	<b>(12.788.770.160)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>6.448.214.103</b>	<b>19.245.990.298</b>
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>			(9.006.035)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>20.359.192.697</b>	<b>6.448.214.103</b>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Le Thanh Phuong

  
Nguyễn Văn Trang

  
Nguyễn Văn Khá

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam là Công ty Nhà Nước thuộc Tổng công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300430099, đăng ký lần đầu ngày 08/03/2011 tại Phòng Đăng Ký Kinh Doanh - Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM.

- Tiền thân trước đây của Công ty có tên gọi là Công ty Trục vớt thành lập ngày 30/6/1976, sau đổi tên thành Xí Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ được thành lập theo Quyết định số 448/QĐ/TCCB -LĐ ngày 20 tháng 03 năm 1993 và Quyết định số 575/QĐ/TCCB-LĐ ngày 03 tháng 04 năm 1993 của Bộ Giao Thông Vận Tải.

- Quyết định số 721/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Giao Vận Tải, Xí Nghiệp Liên hợp Trục vớt Cứu hộ đổi tên thành Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam.

- Quyết định số 1771/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty Trục vớt Cứu hộ Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Quyết định 2399/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2011 v/v chuyển doanh nghiệp về làm đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Miền Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Trục vớt Cứu hộ Việt Nam có tên giao dịch đối ngoại là: Vietnam Salvage Single Member Limiter Liability Company (viết tắt là VISAL).

Trụ sở chính đặt tại số 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty: 40.768.308.086 đ (Bốn mươi tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm lẻ tám ngàn không trăm tám mươi sáu đồng)

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Trục vớt Cứu hộ

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh trục vớt tàu, hàng hóa, kỹ thuật ngầm dưới nước;
- Tìm kiếm cứu nạn trên biển;
- Sửa chữa, đóng mới phương tiện thiết bị giao thông vận tải;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ giao thông vận tải;
- Dịch vụ du lịch lặn trong và ngoài nước; Lai dắt tàu và vận tải hàng hóa, hành khách;
- Đại lý và dịch vụ cho các tàu của công ty Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam; đại lý kinh doanh mặt hàng nhiên liệu (xăng, dầu, dầu mỡ, dầu nhớt);
- Xây dựng công trình giao thông và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ thi công của Công ty;
- Xây dựng công trình công nghiệp trong ngành giao thông vận tải. Đào đắp đất đá. San lấp mặt bằng tạo bãi;
- Gia công, chế sửa, lắp ráp các loại kết cấu thép, kết cấu bê tông đúc sẵn. Thu gom, giao nhận hàng hóa và kinh doanh kho bãi container.
- Đô mới phương tiện thủy và kinh doanh vật liệu xây dựng. Phá đá ngầm và cắt phá xác tàu chìm dưới nước;
- Lai dắt, hỗ trợ tàu biển và các phương tiện nổi tại các vùng nước biển và đường dài. Cứu nạn và cứu hộ trên biển nhằm đảm bảo an toàn cho các khu vực hàng hải và các vùng nước cảng biển;
- Kinh doanh thương mại các ngành hàng: Thiết bị lặn dưới nước, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng, sắt thép
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê ( Cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày ( Kinh doanh khách sạn không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp, nhà nghỉ không hoạt động tại Tp.HCM)

501172  
CÔNG TY  
HỮU HẠN  
VỤ TRƯ  
HÀNH KẾ  
KIỂM TỐ  
TÀI NẠI  
TP. HỒ



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

##### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Theo thông tư 179, tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản. Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, công ty sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng để thực hiện việc quy đổi này. Ảnh hưởng của việc sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ là không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo phù hợp với chuẩn mực kế toán số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

##### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

***Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):***

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

+ Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 50 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
+ Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
+ Thiết bị công cụ quản lý	03 - 10 năm
+ Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

***Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính***

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

***Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay***

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trợ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

***Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước***

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm 2013*****Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả***

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

***Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu******Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

30501  
CÔNG  
TRÁCH NHIỆM  
TỊCH VỤ  
KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM  
TOÁN  
PHÍA  
TP.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

**03. TIỀN**

		<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
<b>Tiền mặt</b>		<b>575.054.914</b>	<b>507.108.045</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>		<b>19.738.955.595</b>	<b>5.941.106.058</b>
Tiền gửi VND		8.431.513.641	5.103.147.505
- Ngân hàng BIDV		3.144.280.198	4.918.234
- Ngân hàng Công Thương		5.003.631.855	4.917.670.486
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải		269.164.696	168.706.164
- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT		9.742.406	2.735.069
- Ngân hàng Á Châu		4.694.486	9.117.552
Tiền gửi ngoại tệ (USD) (*)	Nguyên tệ	11.307.441.954	837.958.553
+ Ngân hàng Công thương	532.787,59	11.207.719.744	739.372.964
+ Ngân hàng Á Châu	4.739,22	99.694.232	98.557.888
+ Ngân hàng Hàng Hải		27.978	27.701
<b>Tiền đang chuyển</b>		<b>45.182.188</b>	
<b>Cộng</b>		<b><u>20.359.192.697</u></b>	<b><u>6.448.214.103</u></b>

**04. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

		<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Phải thu khác		1.514.060.242	5.268.750.088
+ Phải thu khác TK138		385.905.340	
+ Phải thu khác TK338		1.128.154.902	5.268.750.088
<b>Cộng</b>		<b><u>1.514.060.242</u></b>	<b><u>5.268.750.088</u></b>

**05. HÀNG TỒN KHO**

		<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Nguyên liệu, vật liệu		18.544.161.501	11.486.294.308
- Công cụ, dụng cụ		626.383.228	774.925.424
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		15.387.792.338	7.163.711.373
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>		<b><u>34.558.337.067</u></b>	<b><u>19.424.931.105</u></b>

Ghi chú (\*): Trong chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ tại ngày 31/12/2013 có khoản chi phí trực vớt cứu hộ tàu Green Viship của Công ty cổ số dư là 6.241.301.004 đ. Khoản chi phí này tương ứng với khoản doanh thu thực hiện trực vớt cứu hộ tàu Green Viship cho Công ty CP vận tải biển Vinashin mà Công ty đang khởi kiện Công ty CP vận tải biển Vinashin tại tòa án Nhân dân tỉnh Vũng Tàu với nội dung yêu cầu Công ty CP vận tải biển Vinashin thanh toán phí trực vớt cứu hộ tàu Greend Viship với số tiền 10.410.888.865 đ. Tại ngày lập Báo cáo Tòa án Nhân dân tỉnh Vũng Tàu vẫn chưa có phán quyết cuối cùng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

**06. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	489.040.054	107.184.960
- Các khoản khác phải thu Nhà nước		
<b>Cộng</b>	<b><u>489.040.054</u></b>	<b><u>107.184.960</u></b>

**07. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	703.605.882	703.605.882
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.500.000	27.060.034
- Tạm ứng	1.825.629.032	1.274.130.334
	<b><u>2.532.734.914</u></b>	<b><u>2.004.796.250</u></b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỰC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM**

Địa chỉ: 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

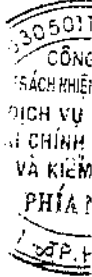
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

**08. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	11.586.855.692	24.291.948.380	40.396.060.102	656.548.503	1.373.232.312	78.304.644.989
Số tăng trong năm	375.000.000	1.500.000.000	149.715.000			2.024.715.000
- Mua trong năm		1.500.000.000				1.500.000.000
- Điều chuyển nội bộ			149.715.000			149.715.000
- Tăng khác (Đầu tư XDCB)	375.000.000					375.000.000
Số giảm trong năm	240.559.969	2.286.270.922	280.421.420	95.055.949	34.003.658	2.936.311.918
- Thanh lý, nhượng bán						
- Phân loại lại tài sản	240.559.969	2.286.270.922	130.706.420	95.055.949	34.003.658	2.786.596.918
- Điều chuyển nội bộ			149.715.000			149.715.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.721.295.723</b>	<b>23.505.677.458</b>	<b>40.265.353.682</b>	<b>561.492.554</b>	<b>1.339.228.654</b>	<b>77.393.048.071</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	10.089.785.564	15.531.067.647	32.834.125.381	587.182.641	1.373.232.312	60.415.393.545
Số tăng trong năm	396.551.571	1.546.615.303	2.495.205.746			4.438.372.620
- Khấu hao trong năm	396.551.571	1.546.615.303	2.345.490.746			4.288.657.620
- Phân loại lại tài sản			149.715.000			149.715.000
- Tăng khác						
Số giảm trong năm	278.104.836	2.167.492.761	280.421.420	95.055.949	34.003.658	2.855.078.624
- Thanh lý, nhượng bán						
- Phân loại lại tài sản	278.104.836	2.167.492.761	130.706.420	95.055.949	34.003.658	2.705.363.624
- Điều chuyển nội bộ			149.715.000			149.715.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.208.232.299</b>	<b>14.910.190.189</b>	<b>35.048.909.707</b>	<b>492.126.692</b>	<b>1.339.228.654</b>	<b>61.998.687.541</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	1.497.070.128	8.760.880.733	7.561.934.721	69.365.862		17.889.251.444
Tại ngày cuối năm	1.513.063.424	8.595.487.269	5.216.443.975	69.365.862		15.394.360.530



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỰC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM  
Địa chỉ: 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901
Số tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tặng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm					
Số tăng trong năm					
- Khấu hao trong năm					
- Tặng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm					
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901
Tại ngày cuối năm	130.306.875			33.353.026	163.659.901



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Xây dựng cơ bản dở dang:	3.464.179.595	3.113.884.610
+ Công trình nhà VP đại diện tại Vũng Tàu (VP)	3.048.605.668	2.912.242.032
+ Xây mới kho chứa rác thải CN (XNSCTB)	213.931.349	
+ Mở rộng nhà xưởng (XNSCTB)	201.642.578	201.642.578
- Sửa chữa lớn TSCĐ	3.753.897.057	377.859.061
+ Sửa chữa định kỳ tàu CH305 (CN1)	92.250.382	
+ Sửa chữa định kỳ tàu Đại Lãnh (CN1)	577.391.111	
+ Sửa chữa định kỳ tàu Mỹ Á (CN1)	2.736.150.959	
+ Sửa chữa định kỳ tàu TV102 (CN1)	279.107.085	
+ Sửa chữa định kỳ tàu kéo TD.02 (XNSCTB)	68.997.520	
+ Lắp đặt ống dẫn nước - bể xử lý nước thải		377.859.061
<b>Cộng</b>	<b><u>7.218.076.652</u></b>	<b><u>3.491.743.671</u></b>

### 11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>		<u>01/01/2013</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu		1.050.000.000		1.050.000.000
+ Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Và Xây Dựng	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
- Đầu tư trái phiếu				
<b>Cộng</b>		<b><u>1.050.000.000</u></b>		<b><u>1.050.000.000</u></b>

### 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Chi nhánh 1	30.112.727	148.198.636
+ Vật tư, công cụ dụng cụ cho các tàu	30.112.727	148.198.636
- XN SCTB	288.805.185	502.971.007
+ Chi phí công cụ dụng cụ	288.805.185	
- XN CKCT	44.961.869	
+ Chi phí công cụ dụng cụ	44.961.869	
- Văn Phòng	12.368.454.288	22.584.882.020
+ Chi phí thuê tàu Visal Saigon	12.340.044.901	22.581.859.293
+ Chi phí công cụ dụng cụ	28.409.387	3.022.727
<b>Cộng</b>	<b><u>12.732.334.069</u></b>	<b><u>23.236.051.663</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
- Vay ngắn hạn		
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)		8.757.073.919
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn		5.366.387.580
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
<b>Cộng</b>		<b>14.123.461.499</b>

Chi tiết hợp đồng vay	Ngân hàng BIDV	Ngân hàng NN & PTNT
Hợp đồng	số 08/2012/2098457 ngày 20/02/2012	số 6280LAV201201584 ngày 28/9/2012
Hạn mức	30.000.000.000 VND	30.000.000.000 VND
Thời hạn	Tối đa không quá 6 tháng	Tối đa không quá 6 tháng
Lãi suất	Thả nổi	13%/năm (có điều chỉnh)
Tài sản đảm bảo	TS hình thành từ vốn vay	Tin chấp

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
- Thuế giá trị gia tăng	2.867.941.514	1.389.671.694
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	607.425.658	982.848.188
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế tài nguyên (Thuế Đất)	500.187.652	
<b>Cộng</b>	<b>3.975.554.824</b>	<b>2.372.519.882</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	22.406.613.154	19.331.145
- Tàu xe đi phép		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh (bảo hành sp)		740.229.090
<b>Cộng</b>	<b>22.406.613.154</b>	<b>759.560.235</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
- Tài sản thừa chờ xử lý	2.193.986	2.193.986
- Kinh phí công đoàn	280.755.682	567.021.700
- Bảo hiểm xã hội	45.861.089	31.316.333
- Bảo hiểm y tế	3.599.119	9.085.158
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.812.031	7.609.638
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.557.320.707	15.357.129.476
- Tài khoản 138	4.501.481	
<b>Cộng</b>	<b>28.900.044.095</b>	<b>15.974.356.291</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

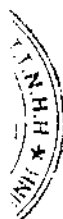
	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Vay ngân hàng	2.666.632.000	6.666.640.000
+ Ngân hàng Á Châu (*)	2.666.632.000	6.666.640.000
- Vay đối tượng khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>2.666.632.000</u></b>	<b><u>6.666.640.000</u></b>

(\*) Hợp đồng vay số BET.DN.0120809/KTG, số tham chiếu 64208279 ngày 20/8/2009 có thời hạn 60 tháng.

Mục đích vay: trả tiền thuê tàu AHTS công suất 7100HP.

Tài sản đảm bảo:

- Bất động sản: thửa đất số 1+51+52, tờ bản đồ số 2+3, Phường 10, Thành phố Vũng Tàu
- Động sản: tàu Mỹ Á và tàu Visal 2



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRỰC VỐT CỨU HỘ VIỆT NAM  
 Địa chỉ: 360 Hai Bà Trưng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

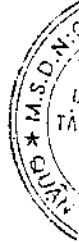
Năm 2013

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỉ giá hối đổi	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	29.136.100.817			(40.575.581)	10.049.538.564			1.932.019.603
Tăng vốn trong kì trước								
Lãi trong kì trước						2.126.565.513		
Tăng khác								210.317.995
Giảm vốn trong kì trước								
Trích quỹ từ lợi nhuận								
Giảm khác				(40.575.581)				
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>29.136.100.817</b>				<b>10.049.538.564</b>	<b>2.126.565.513</b>		<b>2.142.337.598</b>
Tăng vốn trong kì này								
Lãi trong kì này						3.451.227.164		
Tăng khác		612.349.676						212.656.551
Giảm vốn trong kì này								
Trích quỹ từ lợi nhuận						4.965.443.001		
Giảm khác						612.349.676		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>29.748.450.493</b>				<b>10.049.538.564</b>			<b>2.354.994.149</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

**19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	200.132.542.966	123.332.545.975
<b>Cộng</b>	<b>200.132.542.966</b>	<b>123.332.545.975</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	150.013.845.457	92.150.519.220
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>150.013.845.457</b>	<b>92.150.519.220</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.692.268.048	94.342.115
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		80.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.692.268.048</b>	<b>174.342.115</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
- Lãi tiền vay	1.927.122.653	3.783.604.138
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.768.605	49.584.653
- Chi phí tài chính khác		182.980.504
<b>Cộng</b>	<b>1.939.891.258</b>	<b>4.016.169.295</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013	Năm 2012
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.150.409.055	708.855.171
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>1.150.409.055</b>	<b>708.855.171</b>

501172  
 CÔNG TY  
 TNHH VỐT  
 CỨU HỘ  
 VIỆT NAM  
 KIỂM TOÁN  
 GIÁ NẠN  
 TP. HỒ C

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

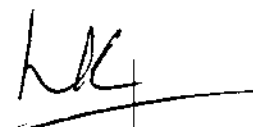
	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.187.645.631	19.514.698.661
Chi phí nhân công	69.387.521.618	34.711.895.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.994.390.353	6.974.948.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.820.115.008	22.090.822.500
Chi phí khác bằng tiền	27.060.985.916	35.838.955.709
<b>Cộng</b>	<b>203.450.658.526</b>	<b>119.131.320.105</b>

**25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu

  
 Lê Thanh Nguyên

Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Trang

TP.Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khá

Chứng thực bản sao  
 đúng với bản chính.

Số chứng thực 8290. Quyền số 50000  
 Ngày 19/02/2014

Chủ tịch HĐQT P.3. Q. Phi Tân



Phan Ngọc Minh

